ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
Năm học: 2025 - 2026
MÔN: CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP – THUỶ SẢN 12

A- HÌNH THỨC KIỂM TRA

70% câu hỏi trắc nghiệm, 30% câu hỏi tự luận.

B- NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN:

Câu 1: Vai trò của rừng phòng hộ khu đô thị và khu công nghiệp là:
A. Điều hòa dòng chảy; chống xói mòn rửa trôi; giảm thiểu lũ lụt, hạn hán; giữ ổn định nguồn nước.
B. Chắn sóng, chắn gió, chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn, bảo vệ đồng ruộng và khu dân cư ven biển.
C. Làm sạch không khí, giảm thiểu tiếng ồn, điều hòa khí hậu, tạo môi trường sống trong lành cho con người và tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển.
D. Chắn sóng, chắn gió, giữ ổn định nguồn nước.
Câu 2: Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về triển vọng của lâm nghiệp đối với kinh tế ở nước ta?
A. Ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kĩ thuật hiện đại, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi ích tài nguyên rừng nhiệt đới.
B. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng giảm.
C. Đảm bảo các sản phẩm từ gỗ được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp và có chứng chỉ quản lí rừng bền vững.
D. Tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp, giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản, tăng sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng.
Câu 3: Hoạt động nào sau đây có tác dụng khắc phục suy thoái tài nguyên rừng?
A. Không thực hiện việc giao, cho thuê và thu hồi rừng, đất trồng rừng.
B. Ngăn chặn việc khai thác, săn bắt, vận chuyển, mua bán các loài động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm và sản phẩm của chúng.
C. Ngăn chặn việc xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.
D. Nâng cao hiệu quả sử dụng các loài động vật, thực vật quý hiếm để làm thuốc.
Câu 4: Trồng rừng có vai trò nào sau đây?
A. Cung cấp lương thực cho con người.
B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.
C. Tạo công ăn việc làm cho người lao động.
D. Cung cấp thức ăn để phát triển chăn nuôi.
Câu 5: Việc bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ ven biển có vai trò nào sau đây?
A. Bảo tồn các loài thực vật quý hiếm.
B. Chống cát bay, chống sự xâm nhập của nước mặn.
C. Làm sạch không khí, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp.
D. Điều hoà dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi.
Câu 6: Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng?
A. Kiểm soát suy thoái động vật, thực vật rừng hoang dã quý hiếm.
B. Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
C. Phá rừng trồng cây công nghiệp và cây đặc sản.

D. Kiểm soát từng loại rừng thông qua những quy chế pháp lí riêng.
Câu 7: Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn có vai trò quan trọng nào sau đây?
A. Giúp điều tiết nguồn nước, hạn chế lũ lụt, xói mòn.
B. Bảo vệ môi trường sinh thái trong các khu công nghiệp.
C. Chắn cát bảo vệ các khu dân cư.
D. Cố định bùn cát lắng đọng để hình thành đất mới.
Câu 8: Chăm sóc rừng có vai trò nào sau đây?
A. Hạn chế tác hại do cháy rừng gây ra.
B. Cung cấp gỗ và các lâm sản phục vụ cho xuất khẩu.
C. Giảm cạnh tranh ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng của cây dại với cây rừng.
D. Cung cấp thức ăn cho gia súc.
Câu 9: Trồng rừng đặc dụng **không** có vai trò nào sau đây?
A. Lấy nguyên liệu phục vụ đời sống và xuất khẩu.
B. Hỗ trợ việc bảo vệ phân khu bảo tồn nghiêm ngặt.
C. Góp phần phục hồi các hệ sinh thái đã mất hay đang bị nguy hại, tăng cường đa dạng sinh học.
D. Tạo cảnh quan làm tăng tính tôn nghiêm, tăng giá trị văn hoá, lịch sử.
Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về nhiệm vụ của chăm sóc rừng?
A. Làm cỏ, xới đất để làm tăng tỉ lệ sống của cây sau khi trồng.
B. Tạo nhà kính để tránh tác hại tiêu cực của thời tiết.
C. Tỉa cành để nâng cao hiệu quả quá trình trao đổi chất và tránh khyết tật sản phẩm gỗ.
D. Trồng dặm để đảm bảo mật độ trồng rừng theo hướng dẫn kĩ thuật của từng loại rừng.
Câu 11: Nội dung nào sau đây đúng khi nói về sinh trưởng và phát triển của cây rừng?
A. Sinh trưởng thường diễn ra vào ban ngày, phát triển thường diễn ra vào ban đêm.
B. Phát triển diễn ra chủ yếu ở giai đoạn cây còn non.
C. Sinh trưởng tích luỹ vật chất làm điều kiện để cây phát triển.
D. Phát triển là những biểu hiện cụ thể của quá trình sinh trưởng.
Câu 12: Sinh trưởng của cây rừng là:
A. Sự tăng lên về kích thước của cây rừng.
B. Sự tăng lên về khối lượng của cây rừng.
C. Sự giảm đi về kích thước và khối lượng của cây rừng.
D. Sự tăng lên về kích thước và khối lượng của cây rừng
Câu 13: Dựa vào tốc độ sinh trưởng, cây rừng được chia thành các nhóm nào sau đây?
A. Nhóm cây đang sinh trưởng và nhóm cây ngừng sinh trưởng.
B. Nhóm cây sinh trưởng nhanh và nhóm cây sinh trưởng trung bình.
C. Nhóm cây sinh trưởng chậm và nhóm cây ngừng sinh trưởng.
D. Nhóm cây sinh trưởng nhanh và nhóm cây sinh trưởng chậm.
Câu 14: Giai đoạn cây rừng thành thục có đặc điểm
A. Cây sinh trưởng chậm lại, tán cây đã định hình.
B. Cây sinh trưởng mạnh mẽ, tán cây dần định hình.
C. Cây sinh trưởng mạnh, đáp ứng tốt các biện pháp chăm sóc.
D. Tăng trưởng hằng năm giảm rồi ngừng hẳn.
Câu 15: So với trồng rừng bằng cây con, trồng rừng bằng gieo hạt có nhược điểm nào sau đây?
A. Khó thực hiện trên các vùng đất rộng lớn.
B. Bộ rễ cây dễ bị tổn thương do tác động cơ giới.
C. Cây con mọc lên từ hạt dễ bị côn trùng tấn công.
D. Chi phí gieo hạt tốn hơn so với trồng cây con.

Câu 16: Ý nghĩa của việc trồng rừng đúng thời vụ là gì?
A. Giúp cây rừng có tỉ lệ sống cao.
B. Giúp cây rừng sinh trưởng tốt.
C. Giúp cây rừng phát triển tốt.
D. Giúp cây rừng có tỉ lệ sống cao, sinh trưởng và phát triển tốt.
Câu 17: Ở nước ta có các phương thức trồng rừng phổ biến nào?
A. Trồng rừng bằng gieo hạt thẳng và trồng rừng bằng cành giâm.
B. Trồng rừng bằng gieo hạt thẳng và trồng rừng bằng cây con rễ trần.
C. Trồng rừng bằng gieo hạt thẳng và trồng rừng bằng cây con có bầu.
D. Trồng rừng bằng gieo hạt thẳng và trồng rừng bằng cây con.
Câu 18: Theo em, hoạt động vun xới trong quá trình chăm sóc sẽ có tác động như nào đến hệ sinh thái rừng?
A. Vun xới có thể làm mất đi môi trường sống của các loài động vật.
B. Vun xới giúp cải thiện cấu trúc đất và tăng cường sự sinh trưởng của cây.
C. Vun xới không ảnh hưởng gì đến hệ sinh thái.
D. Vun xới chỉ cần thiết trong giai đoạn đầu khi trồng cây.
Câu 19: Cho các bước trong quy trình kĩ thuật trồng rừng bằng cây con rễ trần:
(1) Đặt cây vào hố.
(2) Lấp đất.
(3) Tạo lỗ trong hố trồng.
(4) Nén đất.
(5) Vun gốc.
Thứ tự các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần là:
A. (1) → (2) → (3) → (5) → (4). **B.** (3) → (1) → (2) → (4) → (5).
C. (3) → (1) → (2) → (5) → (4). **D.** (2) → (5) → (3) →(1) → (4).
Câu 20: Tại sao Ủy ban nhân dân có nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng?
A. Để đảm bảo người dân hiểu và tuân thủ các quy định về bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng trái phép.
B. Để duy trì sự quản lý của các cơ quan các cấp đối với rừng.
C. Để tăng cường nguồn lợi từ việc khai thác tài nguyên rừng cho nền kinh tế.
D. Để đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp khai thác rừng.
Câu 21: Bảo vệ tài nguyên rừng có ý nghĩa nào sau đây?
A. Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên rừng.
B. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.
C. Bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.
D. Nâng cao diện tích rừng, cung cấp lâm sản cho nhu cầu của con người.
Câu 22: Nội dung nào ***không đúng*** khi nói về ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác rừng bền vững?
A. Giúp bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gene các loài động, thực vật quý hiếm.
B. Giúp duy trì diện tích rừng và tài nguyên rừng phù hợp.
C. Bảo vệ nguồn nước và ngăn chặn các hiện tượng thiên tai như lũ lụt, sạt lở.
D. Giúp cho cây rừng sinh trưởng và phát triển tốt hơn.
Câu 23: Việc khai thác rừng phải được thực hiện theo
A. Công ước quốc tế về thương mại các loài động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm.
B. Quy định của từng địa phương.
C. Đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược lâm nghiệp, đúng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
D. Theo lợi ích của chủ khu rừng nhằm thu được tối đa sản lượng lâm sản.

Câu 24: Biện pháp nào sau đây ***không*** sử dụng để bảo vệ tài nguyên rừng?
A. Chăn thả gia súc trong khu vực rừng đặc dụng.
B. Trồng cây.
C. Phòng chống cháy rừng.
D. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên.
Câu 25: Để nâng cao ý thức bảo vệ rừng cần:
A. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên.
B. Tăng cường khai thác tài nguyên rừng.
C. Ngăn chặn các hành vi chặt phá, khai thác rừng.
D. Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng.
Câu 26: Để bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tính nguyên vẹn của hệ sinh thái rừng, biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng phù hợp là:
A. Xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.
B. Tăng cường khai thác tài nguyên rừng.
C. Ngăn chặn các hành vi chặt phá, khai thác rừng.
D. Tổ chức tuyên truyền về vai trò, giá trị của rừng.
Câu 27: Nhược điểm của phương thức khai thác trắng là:
A. Thu hoạch lượng gỗ ít. **B.** Chi phí thu hoạch cao.
C. Khó vận chuyển gỗ. **D.** Gây xói mòn đất, mất cân bằng sinh thái.
Câu 28: Phương thức khai thác dần có ưu điểm nào sau đây?
A. Thu hoạch lượng gỗ lớn trong thời gian ngắn.
B. Dễ dàng vận chuyển gỗ do khai thác tập trung.
C. Rừng sẽ tự phục hồi nhờ tái sinh tự nhiên.
D. Thời gian khai thác ngắn.
Câu 29: Phương thức nuôi trồng thuỷ sản nào dưới đây có mật độ thả giống thấp nhất?
A. Nuôi trồng thuỷ sản quảng canh.
B. Nuôi trồng thuỷ sản bán thâm canh.
C. Nuôi trồng thuỷ sản thâm canh.
D. Nuôi trồng thuỷ sản siêu thâm canh.
Câu 30: Phát biểu nào đúng khi nói về vai trò thuỷ sản đối với đời sống con người?
A. Cung cấp nguồn thực phẩm giàu proten cho con người.
B. Cung cấp nguyên liệu cho trồng trọt công nghệ cao.
C. Cung cấp thịt, cá, trứng, sữa cho các nhà máy chế biến.
D. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.
Câu 31: Phát biểu nào **không** đúng khi nói về vai trò của thuỷ sản đối với kinh tế và đời sống xã hội?
A. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
B. Đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.
C. Cung cấp nguồn thực phẩm cho con người.
D. Tạo công ăn việc làm cho người lao động.
Câu 32: Thủy sản có những vai trò nào sau đây?
(1) Cung cấp nguồn thực phẩm thịt, cá, trứng, sữa cho con người.
(2) Phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân.
(3) Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
(4) Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí.
(5) Khẳng định chủ quyền biển đảo và an ninh quốc phòng.
A. (1), (2), (3), (4). **B.** (1), (2), (4), (5).
C. (2), (3), (4), (5). **D.** (1), (3), (4), (5).
Câu 33: Ngành thủy sản Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ nhờ vào chính sách hội nhập

quốc tế ngày càng sâu rộng. Ý nào sau đây ***không đúng***?
A. Việt Nam có cơ hội tiếp cận nhiều thị trường quốc tế hơn, mở rộng xuất khẩu thủy sản.
B. Các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam học hỏi được công nghệ và kỹ thuật tiên tiến từ nước ngoài.
C. Chính sách hội nhập giúp giảm thuế và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thủy sản.
D. Giúp thủy sản Việt Nam nâng cao giá trị thủy sản và giảm được sản lượng nuôi trồng.
Câu 34: Dựa vào nguồn gốc, các loài thuỷ sản được phân loại thành các nhóm nào sau đây?
A. Thuỷ sản nhập nội và thuỷ sản bản địa.
B. Thuỷ sản ưa ấm và thuỷ sản ưa lạnh.
C. Thuỷ sản nước ngọt và thuỷ sản nước mặn.
D. Thuỷ sản ăn thực vật và thuỷ sản ăn động vật.
Câu 35: Tuỳ theo khả năng chịu mặn mà các loài thuỷ sản nuôi được phân loại thành các loài nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Đây là tiêu chí phân loại thuỷ sản dựa vào
A. Đặc điểm cấu tạo. **B.** Tính ăn.
C. Các yếu tố môi trường. **D.** Yếu tố di truyền.
Câu 36: Theo đặc tính sinh vật học, ốc nhồi được phân vào nhóm thủy sản nào sau đây?
A. Động vật giáp xác. **B.** Động vật thân mềm.
C. Bò sát. **D.** Cá.
Câu 37: Theo đặc tính sinh vật học, phân loại thủy sản dựa trên những tiêu chí nào sau đây?
(1) Theo tính ăn.
(2) Theo nguồn gốc.
(3) Theo đặc điểm cấu tạo.
(4) Theo sự phân bố.
(5) Theo các yếu tố môi trường.
A. (1), (2), (3). **B.** (1), (3), (4).
C. (1), (3), (5). **D.** (2), (3), (5).
Câu 38: Thực vật thuỷ sinh trong môi trường nuôi thuỷ sản **không** có vai trò nào sau đây?
A. Cung cấp oxygen hoà tan.
B. Là nơi trú ngụ cho động vật thuỷ sản.
C. Phân giải thức ăn dư thừa trong nuôi thuỷ sản.
D. Hấp thụ một số kim loại nặng giảm ô nhiễm nguồn nước.
Câu 39: Sinh vật phù du trong nước nuôi thuỷ sản **không** có vai trò nào sau đây?
A. Cung cấp oxygen hoà tan. **B.** Làm giảm các chất độc hại trong nước.
C. Ngăn chặn sự phát triển của tảo sợi. **D.** Điều chỉnh độ mặn của nước.
Câu 40: Vì sao nhiệt độ của nước nuôi thuỷ sản lại ảnh hưởng trực tiếp đến hô hấp, tiêu hoá, sinh sản ,… của động vật thuỷ sản?
A. Vì nhiệt độ nước ảnh hưởng đến tốc độ trao đổi chất và hoạt động của các enzyme.
B. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến các yếu tố khác trong nước như oxygen hoà tan, pH.
C. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến độ trong và màu nước.
D. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến thức ăn của thuỷ sản.
Câu 41: Phát biểu nào **không đúng** khi nói về vai trò của việc quản lí môi trường nuôi thuỷ sản?
A. Duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thuỷ sản sinh trưởng, phát triển.
B. Tăng cường sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.
C. Hạn chế các tác động xấu đến sức khỏe con người.
D. Ngăn ngừa sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.
Câu 42: Quản lý môi trường nuôi thủy sản có vai trò rất quan trọng đối với nuôi trồng thủy sản. Giải thích nào sau đây **không** đúng?

A. Giúp duy trì điều kiện sống ổn định, phù hợp cho động vật thuỷ sản sinh trưởng phát triển.
B. Giảm thiểu nguy cơ bùng phát dịch bệnh bằng cách kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm và loại bỏ các nguồn lây nhiễm tiềm tàng.
C. Giúp hạn các tác động xấu đến sức khoẻ con người.
D. Giúp giảm chi phí đầu tư thức ăn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho người nuôi.
Câu 43: Hoạt động nào sau đây là hoạt động quản lí các điều kiện thuỷ lí của môi trường nuôi thuỷ sản?
A. Định kì kiểm tra sự có mặt của tảo, rong rêu.
B. Định kì kiểm tra lượng thức ăn dư thừa và chất thải của thuỷ sản.
C. Thay một phần nước hoặc bổ sung nước ngọt để giảm độ mặn.
D. Sử dụng lưới che nắng cho ao vào những ngày trời nắng để làm mát.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI:

Câu 1: Tại trang trại nuôi tôm của nhà bác Hùng, một hôm bác nhận thấy tôm có dấu hiệu nổi đầu sáng sớm, hoạt động chậm, bắt lên quan sát thấy trên vỏ bị đóng rong, mang có màu đen. Sau đây là một số nguyên nhân và biện pháp khắc phục:
a) Hàm lượng Oxy hòa tan (DO) thấp, cần tăng cường quạt nước và sục khí.
b) Cần tăng cường hàm lượng thức ăn để tôm đủ đề kháng chống lại bệnh.
c) Cần tăng cường thay nước trong ao để loại bỏ chất thải hữu cơ và giảm lượng tảo.
d) Cần bổ sung các loại vitamin, khoáng chất để tăng cường sức đề kháng và kích thích quá trình lột vỏ của tôm.
Câu 2: Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tập trung nhiều vào việc phát triển ngành thủy sản, không chỉ với mục tiêu kinh tế mà còn để khẳng định chủ quyền biển đảo và tăng cường an ninh quốc phòng. Biển Đông, nơi có nhiều nguồn tài nguyên thủy sản phong phú, là một khu vực có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam. Với vai trò khẳng định chủ quyền biển đảo và an ninh quốc phòng của ngành thuỷ sản, các nhận định sau Đúng hay Sai?
a) Hoạt động khai thác thủy sản xa bờ ở vùng biển Việt Nam giúp khẳng định chủ quyền biển đảo.
b) Ngành thủy sản không ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng của đất nước vì nó chủ yếu liên quan đến kinh tế.
c) Việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có thể nâng cao sức mạnh quốc phòng thông qua việc bảo vệ lãnh thổ biển đảo.
d) Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế biển, góp phần củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước.
Câu 3: Ngành thủy sản Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm qua, đóng góp quan trọng vào nền kinh tế quốc dân. Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới, với các mặt hàng chủ lực như tôm, cá tra và các loại cá biển khác. Nhu cầu tiêu thụ thủy sản toàn cầu ngày càng tăng, đặc biệt là tại các thị trường lớn như EU, Mỹ và Hàn Quốc, Trung Quốc…. Sau đây là các nhận định khi nói về triển vọng phát triển của thuỷ sản Việt Nam:
a) Thủy sản Việt Nam có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ nhờ vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) với nhiều quốc gia và khu vực.
b) Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong nuôi trồng và chế biến thủy sản là xu hướng phát triển quan trọng của ngành thủy sản Việt Nam.
c) Ngành thủy sản Việt Nam không bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường.
d) Chi phí sản xuất trong ngành thủy sản Việt Nam đang giảm mạnh, giúp nâng cao khả năng cạnh tranh.
Câu 4: Sau khi tham quan hai mô hình nuôi trồng thủy sản
- Mô hình I: Nuôi trồng thủy sản quảng canh.

- Mô hình II: Nuôi trồng thủy sản thâm canh.
Trong nội dung báo cáo, học sinh đã nhận xét về hai mô hình như sau:
a) Các yếu tố như nhiệt độ, nồng độ oxygen hòa tan trong nước, kĩ thuật chăm sóc ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của các loài thủy sản.
b) Mô hình I cho năng suất thấp hơn mô hình II do mô hình I hoàn toàn phụ thuộc vào con giống và nguồn thức ăn tự nhiên.
c) Ở mô hình II cần phải có hệ thống xử lí nước thải trước khi xả ra môi trường.
d) Mô hình II thường áp dụng cho các loài thủy sản dễ nuôi, giá trị kinh tế thấp.
Câu 5: Anh Nam đang lựa chọn phương thức nuôi thủy sản trên ao có diện tích rộng của gia đình. Anh đã tìm hiểu hai phương thức nuôi thủy sản phổ biến hiện nay là nuôi thâm canh và nuôi bán thâm canh. Anh so sánh giữa hai hình thức nuôi thuỷ sản này từ đó quyết định lựa chọn phương thức để tối ưu hoá lợi nhuận và phù hợp với nguồn lực sẵn có của gia đình mình. Sau đây là các nhận định về hai phương thức nuôi thuỷ sản nói trên?
a) Nuôi trồng thủy sản thâm canh yêu cầu nguồn nước và kĩ thuật chăm sóc cao hơn so với bán thâm canh.
b) Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh thường có mật độ nuôi cao hơn so với thâm canh.
c) Nuôi trồng thủy sản thâm canh thường đòi hỏi kỹ thuật và chi phí đầu tư lớn hơn.
d) Nuôi thủy sản bán thâm canh có năng suất cao hơn so với thâm canh.
Câu 6: Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề "Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thuỷ sản". Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là các ý kiến nhóm học sinh đưa ra:
a) Các nguồn nước khác nhau sẽ phù hợp với việc nuôi những nhóm thuỷ sản khác nhau.
b) Các vùng địa lí khác nhau đều có các đặc điểm thổ nhưỡng giống nhau, chúng ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thuỷ sản.
c) Mỗi nhóm động vật thuỷ sản có khả năng sống sót, sinh trưởng và sinh sản ở các khoảng nhiệt độ khác nhau.
d) Đặc trưng thời tiết, khí hậu từng vùng khác nhau là cơ sở xác định đối tượng nuôi phù hợp, mùa vụ thả giống và số vụ nuôi trong năm.
Câu 7: Trong một trang trại nuôi cá tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, ông A, chủ ao nuôi, đang phải đối mặt với tình trạng thực vật thủy sinh phát triển quá mức. Điều này không chỉ làm giảm chất lượng nước mà còn cản trở quá trình cho cá ăn, khiến cá chậm lớn và dễ mắc bệnh. Ông A đã tham khảo ý kiến từ các hộ nuôi trồng thủy sản và nhận được những biện pháp khắc phục như sau:
a) Cần tăng cường tần suất thay nước ao nuôi.
b) Sử dụng thuốc diệt cỏ để loại bỏ thực vật thủy sinh.
c) Giảm hẳn lượng thức ăn cho cá để hạn chế thực vật thủy sinh phát triển.
d) Cần giảm mật độ thực vật thủy sinh, tăng cường các loại cá ăn tảo như cá mè vào ao.
Câu 8: Khi học sinh tiến hành đo một số chỉ tiêu như đo độ mặn, độ pH và hàm lượng oxygen hoà tan của nước nuôi thuỷ sản tại phòng thí nghiệm. Các nhóm học sinh đã thảo luận và đưa ra các vấn đề lưu ý khi tiến hành thí nghiệm như sau:
a) Sau khi bấm nút On/Off, đèn sáng hoặc hiển thị thông số là thiết bị đã được khởi động.
b) Không cần mở nắp đậy điện cực, chỉ cần cắm chìm điện cực vào mẫu nước để đo.
c) Nên đợi từ 5 đến 10 giây, sau đó đọc kết quả đo hiển thị trên màn hình thiết bị.
d) Cần rửa sạch đầu cực đo bằng nước cất trước khi chuyển sang đo mẫu nước khác.
Câu 9: Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề "Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản". Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:
a) Các nguồn nước khác nhau sẽ phù hợp với việc nuôi những nhóm thủy sản khác nhau.

b) Các vùng địa lí khác nhau đều có các đặc điểm thổ nhưỡng giống nhau, chúng ảnh hưởng trực tiếp và thường xuyên tới môi trường nuôi thủy sản.
c) Mỗi nhóm động vật thủy sản có khả năng sống sót, sinh trưởng và sinh sản ở các khoảng nhiệt độ khác nhau.
d) Đặc trưng thời tiết, khí hậu từng vùng khác nhau là cơ sở xác định đối tượng nuôi phù hợp, mùa vụ thả giống và số vụ nuôi trong năm.

Câu 10. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề "Phân loại các nhóm thuỷ sản". Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:
a) Thuỷ sản bản địa là những loài thuỷ sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên tại Việt Nam.
b) Những loài thuỷ sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thuỷ sản ăn động vật.
c) Dựa vào đặc điểm cấu tạo, có thể phân loại thuỷ sản thành 3 nhóm là nhóm cá, nhóm bò sát, nhóm nhuyễn thể.
d) Cá hồi vân, cá tầm, cá chép, cá quả, cá rô phi là nhóm sống ở vùng ôn đới nước lạnh.

III. PHẦN TỰ LUẬN:

1. Nêu vai trò của trồng và chăm sóc rừng?
2. Đánh giá được xu hướng phát triển thủy sản của địa phương.
3. Phân tích được vai trò của thủy sản phù hợp với thực tiễn của địa phương.
4. Phân tích được ưu và nhược điểm của một số phương thức nuôi thủy sản phổ biến.
5. Đề xuất được phương thức nuôi phù hợp với một số loại thủy sản phổ biến.
6. Nêu một số biện pháp để cung cấp oxygen hoà tan cho nước nuôi thuỷ sản.
7. Nêu được vai trò của việc quản lý môi trường nuôi thủy sản.
8. Trình bày được một số biện pháp quản lý môi trường nuôi thủy sản phổ biến.

******HẾT******